BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51 /2026/TT-BYT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 11năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chuẩn và nhiệm vụ cộng tác viên công tác xã hội xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Nghị định số 110/2024/NĐ-CP của Chính phủ về công tác xã hội;

Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội;

Căn cứ Nghị định số 395/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Nghị định số 313/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn và nhiệm vụ cộng tác viên công tác xã hội xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn và nhiệm vụ cộng tác viên công tác xã hội xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).

2. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã là căn cứ để thực hiện việc tuyển chọn, sử dụng và quản lý đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội làm việc tại cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cộng tác viên công tác xã hội cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tuyển chọn, sử dụng, quản lý và hoạt động của cộng tác viên công tác xã hội cấp xã.

Chương II
TIÊU CHUẨN VÀ NHIỆM VỤ CỘNG TÁC VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn cộng tác viên công tác xã hội cấp xã

1. Tiêu chuẩn năng lực:

a) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ theo quy định; có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có kiến thức chuyên môn cơ bản về công tác xã hội, nắm được quy trình, kỹ năng thực hành công tác xã hội ở mức độ cơ bản để trợ giúp đối tượng;

b) Hiểu biết về chế độ, chính sách trợ giúp đối tượng;

c) Có kỹ năng giao tiếp với đối tượng;

d) Có khả năng làm việc theo nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về công tác xã hội;

đ) Nắm vững chức trách, nhiệm vụ của cộng tác viên công tác xã hội;

e) Có khả năng phối hợp hiệu quả với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về công tác xã hội.

2. Tiêu chuẩn về trình độ:

a) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên;

b) Đã tốt nghiệp các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt và các ngành, nhóm ngành, gồm: khoa học xã hội và hành vi, nhân học, y học, điều dưỡng, dinh dưỡng, y tế công cộng, quản lý y tế, dịch vụ xã hội, khoa học giáo dục, pháp luật, đào tạo giáo viên;

c) Trường hợp tốt nghiệp các ngành, chuyên ngành khác không thuộc quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì phải có chứng nhận đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xã hội.

Chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xã hội do các trường, trung tâm, cơ sở đào tạo về công tác xã hội xây dựng và ban hành gồm các nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tiêu chuẩn về đạo đức:

a) Cộng tác viên công tác xã hội cấp xã phải có tư cách đạo đức tốt; thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; không mắc tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không có án tích theo quy định của pháp luật và không

thuộc trường hợp đã bị kết án về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xâm hại tình dục, mua bán người, kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

b) Tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Ưu tiên người đang sinh sống, làm việc trên địa bàn cấp xã, nơi cộng tác viên công tác xã hội đảm nhiệm công việc.

Điều 4. Nhiệm vụ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã

1. Nhiệm vụ chung:

Cộng tác viên công tác xã hội cấp xã thực hiện các nhiệm vụ công tác xã hội theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Giám đốc Trạm Y tế cấp xã.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Thu thập, tiếp nhận thông tin và đánh giá nhu cầu trợ giúp của đối tượng trên địa bàn để báo cáo Giám đốc Trạm Y tế cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã sàng lọc, phân loại đối tượng và đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định kết nối, chuyển gửi đối tượng đến cơ sở trợ giúp xã hội, trung tâm công tác xã hội, Trạm Y tế cấp xã, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục - đào tạo và các cơ sở khác phù hợp;

b) Theo dõi, rà soát, ghi nhận những thay đổi về tình trạng sức khỏe, tâm sinh lý, quan hệ gia đình, xã hội và các nhu cầu trợ giúp của đối tượng; kịp thời phát hiện, thông báo và đề xuất Giám đốc Trạm Y tế cấp xã phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp trợ giúp, bảo vệ, can thiệp kịp thời, phù hợp; tham gia hỗ trợ, phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn công tác xã hội theo chức năng, nhiệm vụ và sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc xử lý, bảo vệ và hỗ trợ đối tượng theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp cung cấp dịch vụ công tác xã hội: tiếp nhận, sàng lọc, đánh giá nhu cầu và hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, nạn nhân bị mua bán, bạo lực, người có rối nhiễu tâm trí hoặc rối loạn tâm thần; tư vấn, hỗ trợ tâm lý, kết nối chuyển gửi đến các cơ sở, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật và hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng;

d) Tham gia quản lý trường hợp, theo dõi, giám sát và can thiệp tại cộng đồng; phối hợp với các tổ chức, cá nhân và cộng tác viên công tác xã hội khác tại cộng đồng để triển khai các hoạt động công tác xã hội theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia triển khai thực hiện các chính sách, chương trình trợ giúp xã hội cho đối tượng, nhóm đối tượng trên địa bàn;

e) Tổng hợp, báo cáo kết quả tình hình, nhu cầu trợ giúp và thực hiện nhiệm vụ với Giám đốc Trạm Y tế cấp xã để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

g) Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo về lĩnh vực công tác xã hội do cấp có thẩm quyền tổ chức;

h) Tham gia các cuộc điều tra, khảo sát về y tế, lao động, người có công với cách mạng và các lĩnh vực khác liên quan do cấp trên tổ chức tại địa bàn (nếu có);

i) Trực tiếp hoặc tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp xã hội tại cộng đồng;

k) Tham dự các cuộc họp, giao ban cộng tác viên công tác xã hội do Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trạm Y tế cấp xã tổ chức;

l) Quản lý, bảo quản và sử dụng tài liệu, sổ sách, biểu mẫu báo cáo, phương tiện liên quan đến nhiệm vụ được giao, bảo mật thông tin, dữ liệu cá nhân của đối tượng theo quy định của pháp luật;

m) Thực hiện nhiệm vụ khác về công tác xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch tuyển chọn, sử dụng, quản lý và ký hợp đồng cộng tác viên công tác xã hội cấp xã và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã trên địa bàn; tổng hợp nhu cầu sử dụng cộng tác viên công tác xã hội cấp xã và tình hình thực hiện của các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh.

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên công tác xã hội và mức chi phụ cấp hằng tháng đối với cộng tác viên công tác xã hội theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021 - 2030 và quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Mục I Điều 1 Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2021

của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động mạng lưới cộng tác viên công tác xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về cộng tác viên công tác xã hội.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, xác định nhu cầu trợ giúp xã hội và đề xuất số lượng cộng tác viên công tác xã hội trên địa bàn, bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, số lượng đối tượng cần trợ giúp, diện tích tự nhiên, đặc điểm địa bàn, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách; gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp.

2. Xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyển chọn và tổng hợp kết quả tuyển chọn, sử dụng, quản lý cộng tác viên công tác xã hội cấp xã trên địa bàn; hằng năm, rà soát, xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với cộng tác viên công tác xã hội cấp xã.

3. Lập dự toán kinh phí chi trả phụ cấp cộng tác viên công tác xã hội cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Thông tư này theo phân cấp ngân sách tại địa phương, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cấp ngân sách có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Ký kết hợp đồng cộng tác viên công tác xã hội; bố trí, bảo đảm điều kiện làm việc, văn phòng phẩm, tài liệu làm việc phù hợp với điều kiện và khả năng tài chính của địa phương, tạo điều kiện để cộng tác viên hoàn thành nhiệm vụ.

5. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên công tác xã hội cấp xã trên địa bàn; tạo điều kiện để cộng tác viên tham gia các khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cấp trên tổ chức.

6. Phối hợp rà soát, cập nhật, cung cấp thông tin về cộng tác viên công tác xã hội thuộc phạm vi quản lý vào Hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội và người làm công tác xã hội; thực hiện khai thác, chia sẻ thông tin và phối hợp kết nối, đồng bộ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

7. Phân công đầu mối quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cộng tác viên công tác xã hội cấp xã; phối hợp với Trạm Y tế cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Trạm Y tế cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động đối với cộng tác viên công tác xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp trong việc tiếp nhận thông tin, sàng lọc ban đầu, kết nối, chuyển gửi, theo dõi và hỗ trợ đối tượng có nhu cầu tiếp cận các dịch vụ công tác xã hội, y tế, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ phù hợp khác có liên quan.

2. Cộng tác viên công tác xã hội cấp xã phối hợp công tác với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Cộng tác viên công tác xã hội cấp xã phối hợp với nhân viên y tế và cộng tác viên chương trình khác trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của cộng tác viên công tác xã hội theo quy định tại Thông tư này.

4. Các cơ quan, tổ chức, nhân viên y tế, cộng tác viên các chương trình khác có trách nhiệm tạo điều kiện, phối hợp, hỗ trợ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã hoàn thành nhiệm vụ.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2027.

2. Thông tư số 07/2013/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ cộng tác viên công tác xã hội xã, phường, thị trấn và quy định tại Điều 1 Thông tư số 14/2025/TT-BYT ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công chức, viên chức, người lao động, cộng tác viên công tác xã hội thực hiện quản lý đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, Trạm Y tế cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 như sau:

"2. Người quản lý đối tượng là công chức, viên chức, người lao động, cộng tác viên công tác xã hội được người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội, Trạm Y tế cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ quản lý đối tượng.

3. Cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 395/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội.

4. Đối tượng phục vụ của cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật gồm:

a) Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 21 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP; đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp khác gồm nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới;

b) Đối tượng tự nguyện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP có nhu cầu chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí theo thỏa thuận hoặc có người thân, người nhận bảo trợ hoặc người giám hộ đóng góp kinh phí.";

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quản lý đối tượng trên địa bàn;

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý đối tượng cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động và cộng tác viên công tác xã hội;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện quản lý đối tượng, quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu và thông tin về cơ sở trợ giúp xã hội, người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội, đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Hướng dẫn việc thực hiện quản lý đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội cấp xã;

b) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên trong rà soát, hỗ trợ đối tượng và cung cấp thông tin phục vụ giám sát việc thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với cơ sở trợ giúp xã hội xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc, trợ giúp đối tượng; thực hiện quản lý đối với đối tượng sống tại địa phương; hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện quản lý đối tượng, quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu và thông tin về cơ sở trợ giúp xã hội,

người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội, đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trên địa bàn;

đ) Phối hợp xác minh thông tin nhân thân, nơi cư trú và thân nhân của đối tượng theo đề nghị của cơ sở trợ giúp xã hội; có văn bản thông báo kết quả xác minh theo quy định;

e) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp xã; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.";

d) Thay thế cụm từ "thị trấn" bằng cụm từ "đặc khu" tại khoản 1 Điều 1 và khoản 3 Điều 12;

đ) Thay thế cụm từ "cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp" bằng cụm từ "cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 7 Điều 12;

e) Thay thế các cụm từ "Số chứng minh nhân dân, mã số định danh cá nhân hoặc thẻ căn cước (nếu có)" bằng các cụm từ "Số định danh cá nhân hoặc số căn cước (nếu có)" tại mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH;

g) Bãi bỏ cụm từ "Ngày cấp" tại mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH;

h) Bãi bỏ cụm từ "Quận/Huyện" tại mẫu số 04 được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

1. Cộng tác viên công tác xã hội cấp xã đã được tuyển chọn, bố trí và ký kết hợp đồng cộng tác viên theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BLĐTBXH trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà hợp đồng còn thời hạn thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết đến hết thời hạn hợp đồng. Khi hợp đồng hết thời hạn, việc tiếp tục sử dụng cộng tác viên công tác xã hội cấp xã được thực hiện theo tiêu chuẩn và quy định tại Thông tư này.

2. Đối với địa phương đã ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định mức phụ cấp đối với cộng tác viên công tác xã hội cấp xã thì tiếp tục thực hiện theo nghị quyết hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền ban hành cho đến khi có văn bản sửa đổi, thay thế. Trường hợp chưa ban hành hoặc cần điều chỉnh mức phụ cấp thì thực hiện theo thẩm quyền, trình tự quy định tại Thông tư này và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 10. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cục Bảo trợ xã hội có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện Thông tư này tại địa phương; kiểm tra tình hình việc tổ chức thực hiện trên địa bàn quản lý.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (qua Cục Bảo trợ xã hội) để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BTXH, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên Hương

PHỤ LỤC
Nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cộng tác viên công tác xã hội cấp xã

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51 /2026/TT-BYT ngày 29 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. Nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

STT	Tên nội dung chuyên môn, nghiệp vụ
1	Tổng quan về công tác xã hội (bao gồm cả đạo đức nghề công tác xã hội)
2	Hành vi con người và môi trường xã hội
3	Kỹ năng thực hành về công tác xã hội
4	Công tác xã hội với cá nhân, nhóm, gia đình và cộng đồng
5	Quản lý trường hợp
6	Phát triển cộng đồng trong công tác xã hội

II. Hướng dẫn xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cộng tác viên công tác xã hội xã, phường, đặc khu

1. Chương trình bồi dưỡng:

a) Chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cộng tác viên công tác xã hội gồm 06 chuyên đề tại mục I Phụ lục này. Kết thúc các chuyên đề học viên sẽ ôn tập và kiểm tra cuối khóa.

b) Thời gian bồi dưỡng: Thời gian của toàn bộ chương trình là 80 tiết (02 tuần x 05 ngày/tuần x 08 tiết/ngày), trong đó:

- Lý thuyết: 30% trong tổng thời gian bồi dưỡng.

- Trải nghiệm, thảo luận, thực hành, khai giảng, bế giảng, bài thu hoạch: 70% trong tổng thời gian bồi dưỡng.

c) Hình thức tổ chức bồi dưỡng: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

2. Tài liệu bồi dưỡng:

a) Tài liệu chuyên đề phải được biên soạn logic, dễ hiểu, dễ nhớ. Thiết kế, biên soạn tài liệu phải trên cơ sở các lý thuyết và thực tiễn áp dụng đối với cộng tác viên công tác xã hội.

b) Nội dung các chuyên đề khi biên soạn phải phù hợp với cộng tác viên công tác xã hội, giúp cho các học viên cập nhật kiến thức mới, trau dồi những kiến thức đã có, học tập, rèn luyện và phát triển các kỹ năng cơ bản để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

c) Các chuyên đề phải được biên soạn theo kết cấu mở để tạo điều kiện cho việc cập nhật chính sách pháp luật mới, cũng như những kiến thức, kinh nghiệm thực tế cho phù hợp với đối tượng cộng tác viên công tác xã hội.

d) Tài liệu giảng dạy cần có hệ thống câu hỏi thảo luận, bài tập tình huống cho mỗi chuyên đề. Lưu ý các nội dung giảng dạy cần lồng ghép các vấn đề về nguy cơ xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình, bình đẳng giới, khủng hoảng tâm lý, bảo mật thông tin đối tượng, các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp khác và các vấn đề của cộng đồng.

3. Yêu cầu đối với việc giảng dạy:

a) Giảng viên: Giảng viên cần đầu tư nghiên cứu tài liệu, cập nhật thông tin, tập hợp các tình huống điển hình trong thực tiễn để soạn tài liệu giảng dạy nhằm đảm bảo bài giảng có chất lượng, sát với nhiệm vụ của cộng tác viên làm việc trong lĩnh vực công tác xã hội.

b) Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng phương pháp tích cực, lấy học viên làm trung tâm, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Sử dụng triệt để thời gian thảo luận, thực hành dành cho mỗi chuyên đề, có đúc rút bài học kinh nghiệm.

4. Yêu cầu đối với việc học tập của học viên:

a) Hiểu rõ vị trí, chức trách, nhiệm vụ và yêu cầu, mục tiêu của khóa học.

b) Kết thúc khóa học, học viên tiếp thu các kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của cộng tác viên công tác xã hội, góp phần nâng cao phương pháp làm việc và hiệu quả công tác.

5. Đánh giá kết quả học tập: Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện qua bài kiểm tra cuối khóa. Điểm kiểm tra được chấm theo thang điểm 10, học viên không đạt điểm kiểm tra từ 5/10 trở lên thì phải kiểm tra lại.